

Số: 2241/BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2024

V/v Xin ý kiến về nội dung quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ NSNN thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng; mua sắm tài sản, trang thiết bị.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Căn cứ đề nghị của các Bộ, ngành địa phương và phản ánh của các đại biểu Quốc hội về những vướng mắc trong việc áp dụng quy định pháp luật về Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) và Luật đầu tư công trong việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ NSNN thực hiện các nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng; mua sắm tài sản, trang thiết bị, Chính phủ đã có Tờ trình số 709/TTr-CP ngày 29/12/2023 về việc giải thích quy định Khoản 1 Điều 6 Luật đầu tư công.

1/ Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xem xét cho ý kiến về Tờ trình số 709/TTr-CP của Chính phủ. Tổng thư ký Quốc hội có Văn bản số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 thông báo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công như sau:

“Điều 6 của Luật đầu tư công quy định việc phân loại dự án đầu tư công theo tính chất của dự án (tại khoản 1) và theo mức độ quan trọng, quy mô của dự án (tại khoản 2) để làm căn cứ áp dụng các quy định pháp luật trong việc xác định trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, tổ chức thực hiện. Điều 6 của Luật đầu tư công không quy định nhiệm vụ, khoản chi nào phải dùng vốn đầu tư công, không quy định chi sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan khác không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.

Để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trên thực tế hiện nay, đề nghị Chính phủ khẩn trương ban hành văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết các nội dung này”.

2/ Triển khai nội dung Kết luận số 3307/TB-TTKQH nêu trên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ (văn bản số 487/VPCP-KTTH ngày 20/01/2024 của Văn phòng Chính phủ).

3/ Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến tham gia vào một số nội dung như sau:

(1) Sự cần thiết xây dựng Nghị định Chính phủ: Đề tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý cho các Bộ, địa phương, cơ quan sử dụng kinh phí chi thường xuyên của NSNN để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc cần thiết phải xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định của Chính phủ hướng dẫn về nội dung này.

Đề kịp thời trình Chính phủ thông qua trong thời gian sớm nhất, đề nghị được xây dựng Nghị định theo quy trình rút gọn (*tuy vậy, để đảm bảo tiếp thu đầy đủ các ý kiến tham gia của các bộ, địa phương, dự thảo Nghị định sẽ được gửi lấy ý kiến các bộ, địa phương và đăng website theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

(2) Căn cứ xây dựng Nghị định của Chính phủ: Ngoài việc căn cứ Luật NSNN, Luật đầu tư công, Luật quản lý tài sản công; cần căn cứ vào các quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành (Như: Luật xây dựng, Luật Giao thông đường bộ,...). Bên cạnh đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ sẽ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nội dung Nghị định trước khi ban hành.

(3) Dự thảo Nghị định cần quy định rõ một số nội dung cơ bản như sau:

a/ Về khuôn khổ, đối tượng, phạm vi điều chỉnh:

- Cho phép sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của NSNN để thực hiện các dự án có tổng mức đầu tư đến 15 tỷ đồng, gồm: xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở, dự án, công trình đã có; cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng (nội dung này đã được Chính phủ trình UBTVQH tại Tờ trình số 194/TTr-CP ngày 07/5/2023, số 228/TTr-CP ngày 15/5/2023).

- Đối với việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở, dự án, công trình đã có; cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng trên 15 tỷ đồng, phải đảm bảo các điều kiện sau: Không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, không điều chỉnh, bổ sung được trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; thời gian thực hiện đảm bảo phù hợp với kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm và kế hoạch tài chính 5 năm.

- Dự án khẩn cấp, cấp bách để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, phục vụ nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác nhưng không được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công ngay trong năm kế hoạch.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án trong lĩnh vực chi an ninh, quốc phòng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020) quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn thu khác (nguồn thu phí được để lại, thu sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập) khuyến khích áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

b/ Xây dựng tiêu chí phân định ranh giới giữa dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản,

trang thiết bị, máy móc được sử dụng từ nguồn kinh phí đầu tư công; với các dự án được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên-

c/ Quy định rõ về căn cứ xác định nhiệm vụ, xây dựng dự toán kinh phí; quy trình thủ tục phê duyệt nhiệm vụ, phê duyệt dự toán kinh phí theo quy định của pháp luật về NSNN tránh trùng lặp đối với các quy trình đã thực hiện của dự án đầu tư (lập dự án, phê duyệt dự án,...)

d/ Quy định yêu cầu quản lý, quyết toán kinh phí, quyết toán dự án.

đ/ Một số nội dung khác

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến tham gia, bổ sung vào các nội dung gợi ý xây dựng dự thảo Nghị định Chính phủ nêu trên.

4/ Ngoài ra đề các Bộ, ngành, địa phương có căn cứ rà soát các quy định pháp luật hiện hành về sử dụng kinh phí NSNN làm căn cứ cho việc đề xuất xây dựng Nghị định Chính phủ. Bộ Tài chính hệ thống các quy định hiện hành có nội dung hướng dẫn về sử dụng kinh phí NSNN để thực hiện các dự án nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm, sửa chữa tài sản trang thiết bị, máy móc đối với các lĩnh vực tại các Phụ lục đính kèm.

Đề nghị các cơ quan có ý kiến về những bất cập, chồng lấn, vướng mắc trong các quy định hiện hành, đề xuất phạm vi, nội dung chính sách cụ thể cần sửa đổi, bổ sung đề quy định tại dự thảo Nghị định (nêu rõ căn cứ, cơ sở pháp lý, lý do đề xuất và đánh giá tác động của chính sách đề xuất), *trong đó cần đề xuất, xác định rõ ranh giới giữa các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; dự án mua sắm trang thiết bị bằng kinh phí thường xuyên với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; dự án mua sắm tài sản, trang thiết bị sử dụng vốn đầu tư theo Luật Đầu tư công.* đề xuất các quy định cụ thể để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ trong quá trình soạn thảo Nghị định.

Ý kiến tham gia đề nghị gửi về Bộ Tài chính *trước ngày 15 tháng 3 năm 2024.*

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTgCP Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ NSNN; Vụ ĐT; Vụ PC; Cục QLCS;
- Lưu: VT, HCSN (12 bản)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Võ Thành Hưng

Các phụ lục đính kèm văn bản:

- Phụ lục 1: Các quy định pháp luật về sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản công trình kiến trúc;
- Phụ lục 2: Các quy định pháp luật về mua sắm, cải tạo, nâng cấp tài sản lĩnh vực CNTT.
- Phụ lục 3: Các quy định pháp luật về mua sắm, trang thiết bị trong lĩnh vực KH&CN.
- Phụ lục 4: Các quy định pháp luật về mua sắm, trang thiết bị trong lĩnh vực Môi trường.
- Phụ lục 5: Các quy định pháp luật về mua sắm, sửa chữa trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế.
- Phụ lục 6: Các quy định pháp luật về mua sắm, sửa chữa công trình lĩnh vực đảm bảo xã hội.

Phụ lục I

**CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XÂY DỰNG MỚI, SỬA CHỮA,
CẢI TẠO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

(Kèm theo văn bản số 2241/BTC-HCSN ngày 01/3/2024 của Bộ Tài chính)

1. Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn quy định:

- Khoản 15 Điều 3 Luật Xây dựng: *Dự án đầu tư xây dựng là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc sử dụng vốn để tiến hành hoạt động xây dựng để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng nhằm phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong thời hạn và chi phí xác định.*

- Khoản 20 Điều 3 Luật Xây dựng: *Hoạt động đầu tư xây dựng là quá trình tiến hành các hoạt động xây dựng gồm xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng.*

- Khoản 38 Điều 3 Luật Xây dựng: *Thi công xây dựng công trình gồm xây dựng và lắp đặt thiết bị đối với công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi; phá dỡ công trình; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng.*

- Khoản 13 Điều 2 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng: Bảo trì công trình xây dựng là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình).

2. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 không quy định cụ thể về sử dụng kinh phí chi thường xuyên cho cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình đã có.

3. Luật Đầu tư công, tại khoản 1 Điều 6 phân loại dự án đầu tư công, quy định: Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng.

4. Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công để hướng dẫn công tác quản lý đối với các hoạt động sửa chữa thuộc nhiệm

vụ chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; trong đó, tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 65/2021/TT-BTC quy định đối với kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

Tuy nhiên, thực tế các công việc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các hạng mục công trình đã đầu tư luôn phát sinh thường xuyên hoặc phát sinh đột xuất và có quy mô kinh phí nhỏ; một số nội dung sửa chữa có tính chất cấp bách nên việc thực hiện theo trình tự, thủ tục đầu tư công mất nhiều thời gian và việc bố trí từ nguồn vốn đầu tư công để thực hiện cũng không đảm bảo do phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

5. Để đáp ứng yêu cầu thực tế, tiếp thu ý kiến cử tri, đại biểu Quốc hội, Bộ, ngành và địa phương về vấn đề này, trong năm 2023, Bộ Tài chính đã ba (03) lần¹ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội cho phép sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện các dự án có tổng mức kinh phí dưới 15 tỷ đồng để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình đã có.

Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/1/2024 của Tổng thư ký Quốc hội thông báo Kết luận của UBTVQH về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công trong đó UBTVQH khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án đã đầu tư xây dựng./.

¹- Tờ trình số 194/TTr-CP ngày 7/5/2023 của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình đã có

- Tờ trình số 228/TTr-CP ngày 15/5/2023 trình UBTVQH (lần 2) của Chính phủ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình đã có

- Tiếp tục kiến nghị lần 3 tại các báo cáo ngân sách nhà nước năm 2024 Chính phủ trình Quốc hội

- Tiếp tục kiến nghị lần 3 tại các báo cáo ngân sách nhà nước năm 2024 Chính phủ trình Quốc hội

Phụ lục II

**CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MUA SẮM, CẢI TẠO, NÂNG CẤP
TÀI SẢN LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Kèm theo văn bản số 2241/BTC-HCSN ngày 01/3/2024 của Bộ Tài chính)

I. Về đánh giá pháp luật về công nghệ thông tin mua sắm, cải tạo, nâng cấp tài sản lĩnh vực công nghệ thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin:

1. Về thuê dịch vụ công nghệ thông tin:

Bộ Tài chính đã có công văn số 13040/BTC-HCSN ngày 28/11/2023 gửi VPCP tham gia dự thảo Thông báo Kết luận của PTTgCP tại cuộc họp ngày 27/10/2023, trong đó đã nêu:

(1) Quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP:

- Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP giải thích từ ngữ như sau:
“5. Dự án ứng dụng công nghệ thông tin là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến việc nghiên cứu, bỏ vốn để mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu để phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả vận hành trong một thời hạn nhất định. Ở giai đoạn chuẩn bị, dự án ứng dụng công nghệ thông tin được thể hiện thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật.”

- Mục 4 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý dự án thuê dịch vụ CNTT: Từ Điều 48-50 quy định về lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin; hợp đồng; thuê dịch vụ công nghệ thông tin tập trung.

- Điều 51, Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý thực hiện hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước và Quản lý thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.

(2) Tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: “3. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 46, Điều 47 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.”

- Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định: “2. Đối với dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển

nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi là dự án thuê), trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công và các quy định về quản lý chi phí, quản lý chất lượng tại Mục 3 Chương này.”

- Điều 46 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định về Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Điều 47 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Như vậy, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP có quy định về thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên. Tuy nhiên, thuê dịch vụ công nghệ thông tin là một hoạt động thuộc dự án ứng dụng công nghệ thông tin nên vẫn thuộc danh mục ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại điểm 1 khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021 - 2025 quy định: *Công nghệ thông tin thuộc ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng.*

2. Về mua sắm, cải tạo, nâng cấp tài sản lĩnh vực công nghệ thông tin:

2.1. Luật Công nghệ thông tin (CNTT) năm 2006

Điều 62. Đầu tư của Nhà nước cho CNTT

Điều 63. Đầu tư cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển CNTT

1. Ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển CNTT được sử dụng vào các mục đích sau đây:

(1) Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước; trong đó khoản 1 Điều 27 (Đầu tư cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước):

1. Kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

(2) Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó Điều 16 (Lập dự án ứng dụng CNTT)

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập Dự án khả thi ứng dụng CNTT, Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo đầu tư và chịu trách nhiệm về các nội dung yêu cầu được đưa ra trong hồ sơ dự án.

5. Vốn sự nghiệp trong dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp.

(3) Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; trong đó khoản 2, khoản 3 mục III (Tổ chức thực hiện):

“2. Bộ Tài chính:

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông cân đối và trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan thuộc Chương trình hành động này; bảo đảm ưu tiên phân bổ kinh phí cho CNTT và các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông ưu tiên, bảo đảm đủ nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển, vốn đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này nói riêng và cho các chương trình, đề án, dự án dự án ứng dụng, phát triển CNTT nói chung”.

(4) Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; trong đó khoản 4, khoản 5 mục IV (Các giải pháp chủ yếu):

“4. Bộ Tài chính

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bố trí kinh phí chi thường xuyên nguồn NSNN để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính phủ điện tử.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn NSNN để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính phủ điện tử”.

(5) Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; trong đó Khoản 2 mục IV (Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình)

“2. Bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn chi sự nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác (vốn ODA; kinh phí khoa học công nghệ; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đầu tư theo hình thức đối tác công tư) để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Chương trình”.

(6) Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN; trong đó khoản 1 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh):

“1. Nghị định này quy định quản lý các hoạt động ứng dụng CNTT sau đây:

a) Dự án ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN;

b) Các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn NSNN”.

(7) Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn

2021-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó khoản 4, khoản 5 Điều 2 (Tổ chức thực hiện):

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8 mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn đầu tư phát triển;

5. Bộ Tài chính: Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8 mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn thường xuyên; chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

2.2. Pháp luật để cân đối NSNN cho bảo đảm an toàn thông tin mạng:

(1) Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015:

- Điều 5, Khoản 4: Nhà nước bố trí kinh phí để bảo đảm an toàn thông tin mạng của cơ quan nhà nước và an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin quan trọng quốc gia.

- Điều 52, Khoản 9: giao Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật.

(2) Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; trong đó khoản 2, khoản 3 Điều 24 (Kinh phí bảo đảm an toàn thông tin):

2. Kinh phí đầu tư cho an toàn thông tin sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công.

3. Kinh phí thực hiện giám sát, đánh giá, quản lý rủi ro an toàn thông tin; đào tạo ngắn hạn, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, diễn tập an toàn thông tin và ứng cứu sự cố của cơ quan, tổ chức nhà nước được cân đối bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức nhà nước đó theo phân cấp của NSNN

(3) Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020; trong đó điểm a, điểm b khoản 2 mục V (Kinh phí thực hiện):

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương theo chương trình đầu tư công thuộc nhóm chương trình mục tiêu phát triển ngành CNTT được phân bổ để thực hiện các dự án thuộc Danh mục trong Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Danh mục trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

(4) Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; trong đó khoản 2 Điều 17 (Kinh phí):

“2. Kinh phí thực hiện các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường

xuyên) và được quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo phân cấp ngân sách quy định tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

(5) Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; trong đó điểm c khoản 1 mục IV (Tổ chức thực hiện):

“Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Quyết định này; tăng cường thuê dịch vụ để triển khai hoạt động Giám sát an toàn thông tin mạng trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình”.

3. Hiện nay Bộ TTTT đã có công văn số 469/BTTTT-CĐSQG ngày 01/2/2024 lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của các bộ ngành, địa phương. Theo kế hoạch tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2024, Bộ TTTT sẽ trình Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP vào tháng 9/2024./.

Phụ lục III

**CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MUA SẴM, TRANG THIẾT BỊ
TRONG LĨNH VỰC KH&CN**

(Kèm theo văn bản số 2241/BTC-HCSN ngày 01/3/2024 của Bộ Tài chính)

1. Quy định pháp luật hiện hành

- Khoản 1, 2 Điều 50 Luật KH&CN năm 2013 quy định về **mục đích chi NSNN cho KH&CN**: “1. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ lợi ích chung của xã hội; chú trọng nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ. 2. Duy trì và phát triển năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho tổ chức khoa học và công nghệ; bảo đảm hoạt động nghiên cứu cơ bản thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.”

- Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN quy định về nội dung chi ngân sách nhà nước cho KH&CN quy định:

“1. Chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: a) Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;...”

2. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, gồm các nội dung sau: ...m) Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ;...”

- Bên cạnh Nghị định 95/2014/NĐ-CP nêu trên, Chính phủ đã ban hành các Nghị định cũng có nội dung về việc sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN cho các nhiệm vụ mua sắm tăng cường năng lực trang thiết bị: (1) Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN¹; (2) Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập²; (3) Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 quy định về hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục đại học³.

¹ Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP

² điểm d khoản 1 Điều 8; điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP

³ điểm a khoản 2 Điều 23 định số 109/2022/NĐ-CP

Theo đó, căn cứ quy định tại các Nghị định nêu trên, trong giai đoạn vừa qua, Bộ KH&CN và các tổ chức KH&CN công lập đề xuất bố trí NSNN chi sự nghiệp KH&CN cho các dự án tăng cường năng lực, có nội dung mua sắm trang thiết bị, được cấp có thẩm quyền phê duyệt dưới các hình thức:

(1) Nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN cấp bộ (theo tiêu chí quy định tại khoản 1, 2 Điều 26, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP);

(2) Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN (theo quy định tại điểm m, khoản 2, Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP);

(3) Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp đối với các tổ chức KH&CN đã được giao quyền tự chủ (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8; điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP).

(4) Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu của các cơ sở giáo dục đại học (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 quy định về hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục đại học).

2. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

Đối với việc bố trí dự toán, phân bổ dự toán đối với nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị, tăng cường năng lực trang thiết bị nghiên cứu trong lĩnh vực KH&CN.

- Các bộ, cơ quan khi đề xuất bố trí dự toán cho các nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị thường chưa thuyết minh về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị nghiên cứu (văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức của cấp có thẩm quyền).

- Nội dung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP chưa có sự thống nhất với các quy định tại các Nghị định nêu trên (Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022), nên đã dẫn đến có các quan điểm khác nhau (trong đó có quan điểm cho rằng việc sử dụng chi thường xuyên của NSNN bố trí cho các dự án mua sắm tăng cường năng lực trang thiết bị trong lĩnh vực KH&CN là không đúng tính chất nguồn vốn, chưa đúng quy định của Luật đầu tư công).

- Khó khăn, vướng mắc khác (Đề nghị các Bộ, cơ quan bổ sung đánh giá).

3. Kiến nghị, đề xuất:

- Bộ KH&CN cần khẩn trương báo cáo Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP để thống nhất với các quy định tại các Nghị định của Chính phủ, đảm bảo tính đồng bộ các quy định pháp luật và khả thi trong quá trình thực hiện.

- Đề nghị các Bộ, địa phương đề xuất giải pháp tháo gỡ, khó khăn cụ thể để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục IV

**CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MUA SẮM, SỬA CHỮA LĨNH VỰC
MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo văn bản số 2241/BTC-HCSN ngày 01/3/2024 của Bộ Tài chính)

1. Quy định của pháp luật hiện hành:

(1) Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

Tại Điều 148 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về nguồn lực cho bảo vệ môi trường, tại khoản 1 quy định Nhà nước bố trí nguồn lực thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường:...c) *Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường;...*

Giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung tại khoản 1.

2. Nguồn lực để thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: a) Ngân sách nhà nước chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường; b) Nguồn vốn xã hội hóa cho bảo vệ môi trường.

Tại điều 151, Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật BVMT quy định về các nhiệm vụ chi hoạt động BVMT thuộc trách nhiệm của trung ương và trách nhiệm của địa phương; trong đó điều 153 quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện gồm: (i) Nguồn chi thường xuyên (chi SN BVMT, chi các hoạt động kinh tế, chi SN khoa học CN, Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Chi quản lý hành chính; (ii) Ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường và (iii) Các nguồn khác theo quy định.

a) Đối với nguồn chi sự nghiệp BVMT quy định các nội dung về mua sắm, sửa chữa:

- Khoản 3 Điều 151:

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

b) *Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của trung ương (điểm b khoản 3 Điều 151);*

c) *Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia, quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành,*

lĩnh vực (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định) (điểm c khoản 3 Điều 151);

b) Ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường

- Khoản 3 Điều 151:

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của trung ương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của trung ương theo dự án đầu tư (điểm a khoản 3 Điều 151);

- Khoản 5 Điều 151:

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

b) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của trung ương (điểm b khoản 5 Điều 151);

h) Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc nhiệm vụ của trung ương (điểm h khoản 5 Điều 151);

- Khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học quy định:

2. Chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho việc bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học được sử dụng cho các mục đích sau đây:

...

d) Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước;

e) Đầu tư khác liên quan đến việc bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật.

2. Vướng mắc

Hiện nay, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật BVMT năm 2020 đã quy định rõ nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn đầu tư công; nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên. Do đó, trong quá trình phân bổ chi SNBVMT không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Đề xuất bổ sung chính sách

Nguồn kinh phí thường xuyên từ nguồn SN BVMT để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật NSNN và các văn bản có liên quan, bao gồm:

Kinh phí mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện; hệ thống hạ tầng đã đầu tư (*bao gồm cả chi vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định*); kinh phí cải tạo mở rộng, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công¹.

¹ Hiện nay Thông tư số 65/2021/TT-BTC chỉ quy định kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công từ nguồn chi thường xuyên; không bao gồm cải tạo mở rộng, nâng cấp tài sản công. Tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/1/2024, UBND tỉnh đã khẳng định Luật Đầu tư công, Luật NSNN và các luật khác có liên quan không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc. Do đó, để phù hợp với tình hình thực tế, đề nghị bổ sung nội dung sử dụng kinh phí chi thường xuyên để cải tạo mở rộng, nâng cấp tài sản công. Nội dung này cũng phù hợp với quy định trước đây tại Điều 18 Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 về việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN. Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong dự toán NSNN của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp chỉ được sử dụng cho các trường hợp đầu tư cải tạo mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp); không bố trí vốn sự nghiệp cho các dự án đầu tư mới.

Phụ lục V

**CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VÀ ĐÊ ĐIỀU**

(CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ)

(Kèm theo văn bản số 2241/BTC-HCSN ngày 01/3/2024 của Bộ Tài chính)

A. Lĩnh vực giao thông

1. Luật Phòng chống thiên tai:

Điều 30. Hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai:

1. Hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai bao gồm:

Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

Điều 32. Hình thức, đối tượng và nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

3. Hỗ trợ dài hạn được quy định như sau:

a) Hỗ trợ dài hạn được thực hiện tiếp theo hỗ trợ trung hạn, tập trung vào việc sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, công trình hạ tầng công cộng; tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai;

b) Đối tượng được hỗ trợ dài hạn bao gồm tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp hoạt động công ích bị thiệt hại do thiên tai gây ra;

c) Nguồn lực cho hỗ trợ dài hạn bao gồm ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân;

2. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng:

- Khoản 13 Điều 2: Bảo trì công trình xây dựng là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình;

bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

- Điều 35. Chi phí bảo trì công trình xây dựng

4. Chi phí sửa chữa công trình, thiết bị công trình

a) Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tự quyết định về kế hoạch sửa chữa với các nội dung sau: tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần sửa chữa, thay thế; lý do sửa chữa hoặc thay thế, mục tiêu sửa chữa hoặc thay thế; khối lượng công việc; dự kiến chi phí, dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

b) Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

c) Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị công trình sử dụng vốn khác, khuyến khích chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tham khảo, áp dụng các nội dung nêu tại điểm a, điểm b khoản này để xác định chi phí sửa chữa công trình, thiết bị công trình.

5. Chi phí bảo trì định kỳ hàng năm (không bao gồm chi phí sửa chữa công trình, thiết bị công trình) thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức việc lập dự toán chi phí bảo trì định kỳ hàng năm. Việc quản lý chi phí bảo trì định kỳ hàng năm thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng nguồn vốn sử dụng thực hiện bảo trì.

3. Nghị định 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

Điều 23. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình phục vụ hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do các bộ, cơ quan trung ương quản lý;

b) Chi thực hiện các dự án sản xuất, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do các bộ cơ quan trung ương quản lý.

2. Chi sự nghiệp

- Chi sản xuất, mua sắm vật tư, trang thiết bị thường xuyên và dự trữ phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Chi sửa chữa thường xuyên, bảo quản, vận chuyển trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Chi bảo quản, sửa chữa các công trình ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Chi bảo quản, sửa chữa thường xuyên trụ sở, cầu cảng, kho tàng, thao trường huấn luyện, công trình kết cấu hạ tầng, phương tiện làm việc;

Điều 24. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình phục vụ hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý;

b) Chi thực hiện các dự án sản xuất, mua sắm phương tiện, trang bị phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý.

2. Chi sự nghiệp

- Chi sản xuất, mua sắm vật tư, trang thiết bị thường xuyên phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Chi vận chuyển, bảo quản, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Chi bảo quản, sửa chữa lớn trang thiết bị, công trình kết cấu hạ tầng, cầu cảng, kho tàng, thao trường huấn luyện, phương tiện ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Tình hình thực tế:

Hàng năm, NSNN chi thường xuyên đã và đang bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, thay thế trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ (trạm biến áp, dây điện, lắp đặt đèn tín hiệu tại các nút giao,...); thực hiện mua sắm, sửa chữa ca nô, sửa chữa xuồng, bồ sung, thay thế báo hiệu, đèn báo hiệu, phao, trụ neo đường thủy nội địa; sửa chữa thường xuyên tàu thuyền, ô tô chuyên dùng, trang thiết bị chuyên dụng tìm kiếm cứu nạn hàng hải; sửa chữa lớn phương tiện tìm kiếm cứu nạn

3. Kiến nghị quy định:

Nguồn kinh phí thường xuyên: để bảo trì công trình xây dựng; mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị không gắn với công trình xây dựng.

B. Lĩnh vực Đê điều, phòng chống thiên tai

I. Quy định pháp luật hiện hành

1. Về đầu tư đê điều

- Tại điều 22 Luật Đê điều 2006 (sửa đổi bổ sung tại Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021) quy định:

"Điều 22. Đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đê điều

1. Việc đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đê điều phải tuân theo quy hoạch đê điều, quy định của pháp luật về đầu tư và quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Kế hoạch ngân sách hằng năm đầu tư cho xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đê điều được ghi thành mục riêng và được quy định như sau:

a) Ngân sách trung ương đầu tư cho các tuyến đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III, hỗ trợ cho các tuyến đê cấp IV và cấp V;

b) Ngân sách địa phương đầu tư cho mọi cấp đê trên địa bàn."

Theo đó, tại Điều 22 không quy định cụ thể cho hoạt động duy tu, bảo dưỡng, xử lý cấp bách sự cố đê điều, chỉ quy định áp dụng cho hoạt động tu bổ. Tuy nhiên, qua rà soát hiện nay chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định rõ khái niệm tu bổ.

2. Về duy tu, bảo dưỡng đê điều

- Tại khoản 2 Điều 6 Luật Quản lý và sử dụng tài sản công quy định về Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công quy định: *"2. Tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hoả hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật."*

- Tại khoản 1, khoản 6 Điều 79 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:

"6. Nguồn kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật"

- Tại khoản 13 Điều 2 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng quy định: *"Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình"*.

3. Về nguồn kinh phí cho hoạt động duy tu, bảo dưỡng đê điều

- Tại khoản 2 Điều 37, khoản 5 Điều 38 Luật Đê điều quy định về lực lượng chuyên trách quản lý đê điều:

"Điều 37. Lực lượng trực tiếp quản lý đê điều: 2. Lực lượng chuyên trách quản lý đê điều do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập và trực tiếp quản lý. Cơ cấu tổ chức, sắc phục, phù hiệu, cấp hiệu và chế độ chính sách đối với lực lượng chuyên trách quản lý đê điều do Chính phủ quy định."

"Điều 38. Nhiệm vụ của lực lượng chuyên trách quản lý đê điều: 5. Tổ chức thực hiện việc sửa chữa nhỏ, duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định của pháp luật."

- Tại Điều 7 Nghị định 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều quy định:

"Điều 7. Cơ cấu tổ chức của lực lượng chuyên trách quản lý đê điều theo khoản 2 Điều 37 của Luật Đê điều được quy định như sau:

1. Lực lượng chuyên trách quản lý đê điều thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) có đê được tổ chức thành các Hạt Quản lý đê trong phạm vi một huyện hoặc liên huyện.

Hạt Quản lý đê là đơn vị của Chi cục Quản lý đê điều và Phòng, chống lụt, bão thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh; có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Lực lượng chuyên trách quản lý đê điều có chức năng trực tiếp quản lý và bảo vệ đê điều, từ đê cấp III đến đê cấp đặc biệt.

Đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V; tuyến đê và công trình phân lũ, làm chậm lũ việc tổ chức quản lý do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định."

4. Tại khoản 4, Điều 9, Luật Ngân sách nhà nước quy định Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách quy định: **"Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm."**

Căn cứ các quy định nêu trên: nhiệm vụ duy tu, bảo dưỡng đê điều thuộc trách nhiệm của lực lượng chuyên trách quản lý đê điều do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập và trực tiếp quản lý. Do đó, trách nhiệm về duy tu, bảo dưỡng đê điều thuộc ngân sách địa phương theo Luật Ngân sách nhà nước.

5. Điều 2 Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều quy định một số nội dung cho phép sử dụng ngân sách trung ương cho hoạt động duy tu, bảo dưỡng đê điều, cụ thể:

"Điều 2. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí chi thường xuyên để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều đối với các tuyến đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III; hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, sửa chữa đột xuất, xử lý cấp bách sự cố do thiên tai, mưa lũ đối với các tuyến đê cấp IV và cấp V do địa phương quản lý, theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chi thường xuyên để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều đối với các tuyến đê cấp IV và cấp V.

3. Đối với đê chuyên dùng của các ngành, các tổ chức kinh tế; kinh phí duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều do các chủ công trình bảo đảm."

II. Vương mắc thực tế:

- Theo quy định Luật Đê điều, không có quy định cụ thể cho hoạt động duy tu, bảo dưỡng, xử lý cấp bách sự cố đê điều, chỉ quy định áp dụng cho hoạt động tu bổ. Tuy nhiên, qua rà soát hiện nay chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định rõ khái niệm tu bổ. Việc duy tu, bảo dưỡng đê điều do địa phương trực tiếp quản lý, thuộc nhiệm vụ chi của NS địa phương.

- Thực tế hiện nay, ngân sách địa phương hiện không bố trí đủ theo nhu cầu đối với các hoạt động duy tu, bảo dưỡng đê điều (như số liệu báo cáo của UBND tỉnh Vĩnh Phúc chỉ đáp ứng 30-40% nhu cầu hàng năm), trong khi đó, đê điều là tài sản kết cấu hạ tầng đặc biệt quan trọng, liên quan đến an ninh, kinh tế, xã hội cần đảm bảo ổn định hàng năm.

- Hàng năm, NSNN bố trí nguồn vốn chi thường xuyên cho công tác duy tu, bảo dưỡng sửa chữa, xử lý cấp bách sự cố đê điều cho các địa phương qua dự toán NSNN giao đầu năm cho Bộ NN và PTNT.

- Ngoài ra, hàng năm, NSNN bổ sung từ nguồn dự phòng NSTW cho sửa chữa khắc phục các công trình hạ tầng thiết yếu do thiên tai (*trong đó có các công trình về đê điều*) theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật NSNN, Nghị định 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTT. Tuy nhiên, không phân định rõ bổ sung nguồn vốn chi thường xuyên hay chi đầu tư (BCĐ QG về PCTT chủ trì lấy ý kiến Bộ TC, Bộ KHĐT để trình cấp có thẩm quyền).

III. Đề xuất bổ sung chính sách

Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chi thường xuyên để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều đối với mọi cấp đê trên địa bàn, phù hợp với quy định pháp luật đê điều và pháp luật NSNN./.

Phụ lục VI

VỀ VIỆC BỔ TRÍ CHI THƯỜNG XUYÊN THỰC HIỆN MUA SẴM, SỬA CHỮA, NÂNG CẤP TRANG THIẾT BỊ MÁY MÓC; CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI
(Kèm theo văn bản số 2241/BTC-HCSN ngày 01/3/2024 của Bộ Tài chính)

I. Quy định hiện hành

1. Bổ trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (NCCCM) như sau:

Tại Nghị định 131/2021/NĐ-CP¹ quy định: Các dự án cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và các dự án xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp, sửa chữa mộ liệt sĩ, các dự án cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ được hỗ trợ từ kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi NCCCM.

Theo đó, các dự án nêu trên **được hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp**, ngoài ra, dự án còn được hỗ trợ từ các nguồn vốn hợp pháp khác, **trong đó có nguồn vốn đầu tư**.

Tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 44/2022/TT-BTC² quy định: Đối với khoản chi hỗ trợ cho các dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì các công trình ghi công liệt sĩ; cơ sở vật chất cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công với cách mạng: Việc quyết toán căn cứ quyết định đầu tư, quyết định phân bổ vốn, chứng từ chuyển tiền cho chủ đầu tư, cơ quan LĐT BXH (hoặc cơ quan được Sở LĐT BXH giao dự toán) quyết toán và hạch toán theo chế độ kế toán hiện hành. Chủ đầu tư có trách nhiệm trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, trong đó ghi rõ phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương; gửi văn bản phê duyệt quyết toán cho cơ quan LĐT BXH để làm căn cứ quyết toán kinh phí.

- Tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 92/2017/TT-BTC quy định: “*Các công trình có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài việc lập quyết toán hàng năm theo quy định như khoản 1 Điều 5 Thông tư này, các cơ quan, đơn vị lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước (sau đó được thay thế bằng Thông tư số 10/2020/TT-BTC).*”

¹ Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

² Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động Thương binh và Xã hội quản lý.

Năm 2021, Thông tư số 92/2017/TT-BTC đã được thay thế bởi Thông tư số 65/2021/TT-BTC, trong đó không quy định việc quyết toán dự án hoàn thành. Đồng thời, ngày 11/11/2022, Thông tư số 10/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước đã hết hiệu lực thi hành.

Đến nay, **chưa có quy định và văn bản hướng dẫn việc quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên** (chỉ quy định hồ sơ, thủ tục, quy trình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công).

Do đó, đối với các dự án cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì được hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn chi thường xuyên thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi NCCCM, hiện nay địa phương đang thực hiện theo 02 trường hợp:

- Trường hợp 1: Nếu dự án **không có** phần vốn đầu tư công, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 44/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Trường hợp 2: Nếu dự án **có** phần vốn đầu tư công, đơn vị quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công theo đúng quy định.

2. Tại Thông tư 03/2022/TT-BTC ngày 12/01/2024 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030, có quy định bố trí chi thường xuyên:

- Chi hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất, kỹ thuật và mua sắm trang thiết bị xây dựng, triển khai nhân rộng các mô hình: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (đối với dự án do các bộ, ngành, cơ quan trung ương thực hiện), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với các dự án do địa phương thực hiện) xem xét, quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền Quyết định phê duyệt Dự án trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng tài sản công, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg). Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (điểm e khoản 5 Điều 3).

- Chi hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất, kỹ thuật và mua sắm trang thiết bị mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại các cơ sở công lập (điểm c khoản 3 Điều 4).

II. Về một số vướng mắc

(1) Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, trong đó Khoản 1 Điều 6 về phân loại dự án đầu tư công quy định: “1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau: a) Dự án có

cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án; b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này”.

(2) Luật Ngân sách nhà nước quy định:

+ Khoản 2 Điều 5 quy định: các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước (NSNN) gồm chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên,..

+ Khoản 4, Điều 4 quy định: Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của NSNN, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

+ Khoản 2 Điều 12 quy định điều kiện thực hiện chi NSNN đối với các nhiệm vụ chi, trong đó: “(i) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng...; (ii) Đối với chi thường xuyên phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định...; (iii) Đối với chi dự trữ quốc gia phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;...”

Như vậy, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước thì chi đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

(3) Luật Quản lý, sử dụng tài sản công:

- Khoản 2 Điều 24 của Luật quy định: tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, trong đó: (i) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan; (ii) Việc bố trí dự toán NSNN và tổ chức thực hiện mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

Như vậy, Luật và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP không ấn định nguồn kinh phí để mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước là chi thường xuyên hay chi đầu tư; nguồn kinh phí sử dụng để mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản công được thực hiện theo pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

III. Gợi ý đề xuất:

Tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Tổng Thư ký Quốc hội khẳng định không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, sửa chữa nâng cấp, trang thiết bị, máy móc:

Đề nghị Bộ LĐTXH đánh giá cụ thể các cơ chế, chính sách hiện hành và đề xuất các nội dung cụ thể Nghị định quy định cụ thể về việc sử dụng kinh phí thường xuyên NSNN bố trí dự toán hằng năm để thực hiện xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, mua sắm, sửa chữa tài sản công liên quan đến lĩnh vực ĐBXH./.



9 8 5 0 8 4 3 5 7